

Bản án số: 35/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20-8-2021
V/v “Xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Sỹ Phác, ông Nguyễn Duy Chấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 125/2021/TLST-HNGĐ ngày 03/6/2021 V/v “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2021/QĐXX-ST ngày 15/7/2021, giữa các đương sự:

**/ Nguyên đơn:* Chị Trần Thị Thanh T, sinh năm 1988; Địa chỉ: thôn 6, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**/ Bị đơn:* Anh Trương Thế L, sinh năm 1984; Địa chỉ: thôn 6, xã R, huyện M, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình điều tra của nguyên đơn chị Trần Thị Thanh T trình bày: Chị và anh Trương Thế L kết hôn ngày 25/12/2009 có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M, tỉnh Đắk Nông. Hôn nhân của anh chị hoàn toàn tự nguyện. Trong thời gian chung sống anh chị có 02 người con chung là cháu Trương Thế B, sinh ngày 8/3/2011; cháu Trương Trần Bảo N, sinh ngày 4/9/2015. Về nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng hay cãi nhau dần dần lâm vào tình trạng trầm trọng không thể cứu vãn được nữa, cuộc sống hôn nhân lúc nào cũng ngột ngạt, chồng chị không chung thủy có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, dần dần tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy chị Trần Thị Thanh T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trương Thế L.

Về con chung: Chị Trần Thị Thanh T xin được nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trương Thế B, sinh ngày 8/3/2011 và cháu Trương Trần Bảo N, sinh ngày 4/9/2015 cho cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn anh Trương Thế L:* Trong quá trình giải quyết Tòa án đã tổng đạt triệu tập anh Trương Thế L hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil xác minh tại địa phương anh Trương Thế L vẫn có đăng ký hộ khẩu ở thôn 6, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông nhưng không hợp tác để giải quyết vụ án, do đó Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tòa án đã thụ lý và giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị Thanh T; Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn anh Trương Thế L; Về con chung: Giao cháu Trương Thế B, sinh ngày 8/3/2011 và cháu Trương Trần Bảo N, sinh ngày 4/9/2015 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi; Về cấp dưỡng nuôi con: không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết; Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Trần Thị Thanh T yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn với anh Trương Thế L, đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Trương Thế L có địa chỉ tại thôn 6, xã R, huyện M, tỉnh Đăk Nông nên Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil thụ lý, giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về sự vắng mặt của các đương sự: Chị Trần Thị Thanh T (nguyên đơn) vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên chị Trần Thị Thanh T đã có đơn xin xét xử vắng mặt gửi đến Tòa án. Đối với anh Trương Thế L (bị đơn) đã được Tòa án nhân dân huyện Đăk Mil triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, tuy nhiên bị đơn vẫn

vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

2. Về nội dung vụ án:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T và anh Trương Thế L nhau năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã G, huyện M ngày 25/12/2009. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nhưng vợ chồng không có biện pháp giải quyết hòa giải, chỉ vì những mâu thuẫn nhỏ, không đáng có, cả hai đã sống thiếu niềm tin và trách nhiệm đối với nhau khiến cho mâu thuẫn trở nên trầm trọng, bên cạnh đó việc anh Trương Thế L không lên Tòa án làm việc cũng đã thể hiện việc không muốn níu kéo chuyện tình cảm giữa hai người. Như vậy, có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị Trần Thị Thanh T và anh Trương Thế L là có thật, tình trạng vợ chồng không còn duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó HĐXX nghĩ cần chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T, xử cho chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Thế L là phù hợp.

2.2. Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Trần Thị Thanh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng các cháu Trương Thế B, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Trương Trần Bảo N, sinh ngày 04/9/2015, xét thấy hiện các cháu đang ở cùng với mẹ nên việc tiếp tục giao các cháu cho chị Trần Thị Thanh T chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp để tránh làm ảnh hưởng, xáo trộn cuộc sống của các cháu do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị Thanh T là phù hợp.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: chị Trần Thị Thanh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng các Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Thanh T về việc ly hôn với anh Trương Thế L.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thanh T được ly hôn với anh Trương Thế L.

2. Về con chung: Giao cháu Trương Thế B, sinh ngày 08/3/2011 và cháu Trương Trần Bảo N, sinh ngày 04/9/2015 cho chị Trần Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Anh Trương Thế L được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, chị Trần Thị Thanh T không được cản trở hoặc gây trở ngại đến việc thăm nom, giáo dục con chung.

Việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật HNGĐ năm 2014.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con, khi cần thiết có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, yêu cầu cấp dưỡng theo quy định tại Điều 84, Điều 110, Điều 119 Luật HNGĐ năm 2014.

4. Về chia tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

5. Về án phí: Chị Trần Thị Thanh T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006611 ngày 02/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mít (02);
- Chi Cục THADS huyện M;
- UBND xã G, huyện M;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thế Hạnh

